

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 16/2024/NQ-HĐND

Đắk Nông, ngày 11 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định thẩm quyền quyết định và phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Nông

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG KHÓA IV, KỲ HỌP THỨ 9

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ Quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất;

Xét Tờ trình số 7283/TTr-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Nông; Báo cáo tiếp thu, giải trình số 809/BC-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định thẩm quyền quyết định và phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Nông.

Điều 2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 02 tháng 8 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông Ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Nông và Nghị quyết số 04/2020/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Nông ban hành kèm theo Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 02 tháng 8 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với việc quản lý, sử dụng tài sản công đã có Quyết định mua sắm, thuê, xử lý của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Quyết định mua sắm, thuê, xử lý của cơ quan, người có thẩm quyền.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá IV, Kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban đảng Tỉnh ủy, Trường Chính trị tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh; đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Báo Đắk Nông; Đài PT&TH tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh, Công báo tỉnh;
- Trung tâm Lưu trữ - Sở Nội vụ;
- Website cơ quan;
- Lưu: VT, CTHĐND, HC-TC-QT, HSKH.

CHỦ TỊCH



Lưu Văn Trung

QUY ĐỊNH

**Thẩm quyền quyết định và phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý,
sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Nông**

*(Kèm theo Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của
Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông)*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định về thẩm quyền quyết định:

a) Quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công đối với các tài sản quy định tại Điều 20 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (bao gồm vật tiêu hao), (không bao gồm tài sản quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công được sửa đổi tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP) tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Nông, gồm: mua sắm, thuê, khai thác, thu hồi, điều chuyển, bán tài sản cố định, giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc, thanh lý tài sản công là tài sản cố định, tiêu hủy tài sản công là tài sản cố định, xử lý tài sản công là tài sản cố định trong trường hợp bị mất, hủy hoại;

b) Quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ phục vụ (sau đây gọi là việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ) hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Nông quy định tại điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 91 Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu (sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 67 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất);

c) Phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ.

2. Nghị quyết này quy định thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp không phải lập thành dự án đầu tư. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp phải lập thành dự án đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan.

3. Các nội dung khác về quản lý, sử dụng tài sản công và mua sắm hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Nông thực hiện theo các quy định hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước;
2. Đơn vị sự nghiệp công lập;
3. Các cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân thuộc đối tượng áp dụng quy định Điều 7 Quy định này;
4. Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức khác thành lập theo quy định của pháp luật về hội;
5. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 3. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công và mua sắm hàng hóa, dịch vụ, vật tiêu hao phục vụ cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm đối với:
 - a) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ;
 - b) Xe ô tô và các phương tiện vận chuyển khác (trừ xe mô tô);
 - c) Gói mua sắm máy móc, thiết bị, hàng hóa, dịch vụ, vật tiêu hao có giá trị từ 02 tỷ đồng trở lên của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị) cấp tỉnh.
2. Người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh: Quyết định mua sắm máy móc, thiết bị, hàng hóa, dịch vụ, vật tư tiêu hao đối với gói mua sắm có giá trị từ 200 triệu đồng đến dưới 02 tỷ đồng thuộc phạm vi quản lý (trừ mua sắm theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều này).
3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Gia Nghĩa (sau đây gọi chung là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện): Quyết định mua sắm máy móc, thiết bị, hàng hóa, dịch vụ, vật tiêu hao đối với gói mua sắm từ 200 triệu đồng trở lên từ nguồn ngân sách cấp huyện (bao gồm số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên) giao cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc phạm vi quản lý (trừ mua sắm theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều này).
4. Thủ trưởng đơn vị dự toán các cấp quyết định việc mua sắm đối với gói mua sắm từ nguồn kinh phí được giao có giá trị dưới 200 triệu đồng.
5. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 37 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại khoản 30 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP).

Điều 4. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản công phục vụ cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thuê tài sản đối với:

a) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

b) Máy móc, thiết bị và tài sản khác phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh, có giá trị từ 02 tỷ đồng trở lên/01 lần thuê (tính cho cả thời gian thuê).

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định thuê tài sản là máy móc, thiết bị và tài sản khác (trừ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này) để phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có giá trị dưới 02 tỷ đồng/01 lần thuê (tính cho cả thời gian thuê).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thuê tài sản là máy móc, thiết bị và tài sản khác (trừ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này) để phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý từ 200 triệu đồng trở lên/01 lần thuê (tính cho cả thời gian thuê) từ nguồn ngân sách cấp huyện (bao gồm số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên).

4. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã) quyết định thuê tài sản là máy móc, thiết bị và tài sản khác (trừ quy định tại khoản 2 Điều này) thuộc phạm vi quản lý có giá trị dưới 200 triệu đồng/01 lần thuê (tính cho cả thời gian thuê).

5. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 38 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại khoản 32 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP).

6. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản tại Điều này không áp dụng đối với thuê dịch vụ công nghệ thông tin và các dịch vụ khác phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khai thác tài sản công là tài sản phục vụ hoạt động phụ trợ, hỗ trợ đối với việc sử dụng vị trí lắp đặt, xây dựng công trình viễn thông; vị trí lắp đặt màn hình led, tấm pano phục vụ thông tin, tuyên truyền tại cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định khai thác tài sản công là tài sản phục vụ hoạt động phụ trợ, hỗ trợ đối với việc sử dụng vị trí lắp đặt, xây dựng công trình viễn thông; vị trí lắp đặt màn hình led, tấm pano phục vụ thông tin, tuyên truyền tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

3. Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định khai thác tài sản công đối với: Tài sản là di tích lịch sử - văn hóa, di tích lịch sử gắn với đất thuộc đất xây dựng trụ sở cơ quan.

4. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định khai thác tài sản công thuộc phạm vi quản lý là tài sản phục vụ hoạt động phụ trợ, hỗ trợ còn lại.

5. Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 41c được bổ sung tại khoản 37 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP.

Điều 6. Thẩm quyền thu hồi tài sản công tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản công bao gồm:

a) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ;

b) Quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ;

c) Xe ô tô và các phương tiện vận chuyển khác (trừ xe mô tô);

d) Máy móc, thiết bị và tài sản khác theo quy định của pháp luật có giá trị (tính theo nguyên giá trên sổ sách kế toán) từ 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản trở lên tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thu hồi tài sản (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này): Máy móc, thiết bị và tài sản khác có giá trị tính theo nguyên giá trên sổ sách kế toán dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản tại các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương, có giá trị theo nguyên giá trên sổ sách kế toán dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản (trừ tài sản theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này).

Điều 7. Thẩm quyền điều chuyển tài sản công

1. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam và Ủy ban nhân dân cấp huyện, như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản sau:

- Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ (trừ quy định tại khoản 3 Điều này).

- Quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ (trừ quy định tại khoản 3 Điều này).

- Xe ô tô và các phương tiện vận chuyển khác.

- Máy móc, thiết bị và các loại tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản trở lên.

pkh

b) Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển máy móc, thiết bị và các loại tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản; vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản là máy móc, thiết bị và các loại tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản; vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công (trừ quy định tại khoản 1 Điều này) trong nội bộ ngành hoặc các đơn vị trực thuộc quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản gồm: Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản (bao gồm quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ); máy móc, thiết bị và các loại tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản; vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công giữa các cơ quan, đơn vị thuộc quản lý của địa phương.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định bán tài sản cố định tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị - xã hội

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán các tài sản sau:

a) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ;

b) Quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ;

c) Xe ô tô và các phương tiện vận chuyển khác (trừ xe mô tô);

d) Máy móc, thiết bị và tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản trở lên.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán đối với máy móc, thiết bị, tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản (trừ quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều này).

3. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định bán đối với tài sản được hình thành từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động của đơn vị theo quy định (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô).

4. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định bán đối với máy móc, thiết bị, tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 200 triệu đồng/01 đơn vị tài sản thuộc phạm vi quản lý.

plh

5. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công quyết định bán vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

Điều 10. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị - xã hội

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản công bao gồm:

a) Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ (trừ quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này);

b) Xe ô tô và các phương tiện vận chuyển khác (trừ xe mô tô);

c) Máy móc, thiết bị và tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản trở lên.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định thanh lý tài sản thuộc phạm vi quản lý, gồm: Nhà làm việc, nhà ở công vụ, công trình sự nghiệp có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản; máy móc, thiết bị, tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản (trừ quy định tại khoản 4 Điều này).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý tài sản thuộc phạm vi quản lý, gồm: Nhà làm việc, nhà ở công vụ, công trình sự nghiệp có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản; máy móc, thiết bị, tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 200 triệu đồng/01 đơn vị tài sản đến dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản.

4. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; Người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý máy móc, thiết bị, tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 200 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

Điều 11. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công là tài sản cố định tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị - xã hội

Người có thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công là tài sản cố định theo quy định tại Điều 3 Quy định này thì quyết định tiêu hủy tài sản.

plk

Điều 12. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công là tài sản cố định tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị - xã hội trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

Người có thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công là tài sản cố định theo quy định tại Điều 3 Quy định này thì quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

Điều 13. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công tại tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội

Thẩm quyền xử lý tài sản công được thực hiện theo quy định từ Điều 6 đến Điều 12 Quy định này và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 14. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án thuộc địa phương quản lý

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án giao, điều chuyển tài sản công cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý của tỉnh; bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại, bao gồm:

a) Trụ sở làm việc;

b) Xe ô tô và phương tiện vận tải khác (trừ xe mô tô);

c) Máy móc, thiết bị và các tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 01 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Giám đốc Sở Tài chính phê duyệt phương án giao, điều chuyển cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý của tỉnh đối với máy móc, thiết bị và các tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

3. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện (cơ quan được giao chủ dự án) phê duyệt phương án bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với xe mô tô, máy móc, thiết bị và các tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 01 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

Điều 15. Phân cấp thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản:

a) Tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm; bất động sản vô chủ; bất động sản không có người thừa kế; tài sản bị đánh rơi, bỏ quên là di tích lịch sử - văn hóa; tài sản của các vụ việc xử lý quy định tại Khoản này bao gồm cả bất động sản hoặc di tích lịch sử - văn hóa và động sản;

b) Tài sản là nhà; đất; xe ô tô và tài sản khác có giá trị từ 01 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh (trừ tài sản quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 7 Nghị định số

plk

29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ Quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân);

c) Tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết sau khi kết thúc thời hạn hoạt động;

d) Tài sản của quỹ xã hội, quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giải thể;

đ) Tài sản là nhà; đất; xe ô tô và tài sản khác có giá trị từ 01 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của quỹ xã hội, quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giải thể theo ủy quyền.

e) Tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án đối tác công tư đối với trường hợp cơ quan ký hợp đồng dự án thuộc địa phương quản lý.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với:

a) Tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giải thể theo ủy quyền (trừ tài sản quy định tại điểm d khoản 1 Điều này).

b) Tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cấp huyện (trừ tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này và khoản 2, khoản 3 Điều 7 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP).

3. Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với: Tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho cơ quan mình và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này và khoản 2, khoản 3 Điều 7 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP).

Điều 16. Phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

1. Cấp có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản theo quy định tại Điều 15 Quy định này thì có quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản sau khi có ý kiến thống nhất của cơ quan tài chính cùng cấp (trừ quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ).

2. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc tỉnh quyết định tịch thu:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là nhà, đất; xe ô tô và tài sản khác có giá trị từ 01 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản do người có thẩm quyền cấp tỉnh quyết định tịch thu;

plh

b) Cơ quan, đơn vị cấp tỉnh của người có thẩm quyền ra quyết định tịch thu tài sản (bao gồm người có thẩm quyền của đơn vị trực thuộc) thì quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản này);

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với các tài sản bị tịch thu do người có thẩm quyền thuộc cấp huyện, cấp xã ra quyết định tịch thu (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản này).

3. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là nhà, đất, xe ô tô và tài sản khác có giá trị từ 01 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản;

b) Sở Tài chính quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp tỉnh ra quyết định tịch thu (trừ tài sản quy định tại điểm a khoản này);

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với các tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp huyện ra quyết định tịch thu (trừ các tài sản quy định tại điểm a khoản này).

Điều 17. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện nhiệm vụ quản lý, sử dụng tài sản công

1. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức được giao quản lý, sử dụng tài sản có trách nhiệm khai thác và sử dụng tài sản được nhà nước giao tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích, đúng tiêu chuẩn. Thực hiện việc quản lý, sử dụng tài sản theo đúng quy định Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện việc quản lý nhà nước đối với tài sản công trong phạm vi, chức năng, nhiệm vụ được giao; chịu trách nhiệm trước pháp luật về các quyết định liên quan đến thẩm quyền đã được quy định tại Quy định này./.